

Số: /KH-UBND

Ngọk Réo, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân trên địa bàn xã Ngọk Réo giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng bệnh; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân; Quyết định số 1272/QĐ-BYT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai nhiệm vụ khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân; Kế hoạch số 242/KH-UBND, ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030; Công văn số 6532/UBND-KGVX, ngày 07/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc tuyên truyền tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân.

Ủy ban nhân dân xã Ngọk Réo xây dựng Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn xã giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Người dân được tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới chăm sóc sức khỏe toàn diện lấy phòng bệnh và phát hiện sớm làm trọng tâm. Từ năm 2026, người dân được tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc ít nhất 01 lần/năm theo lộ trình; kết quả được cập nhật vào sổ/hồ sơ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe theo vòng đời, góp phần giảm gánh nặng chi phí y tế. Việc hỗ trợ chi phí thực hiện theo quy định và theo từng nhóm đối tượng, nguồn kinh phí.

- Tổ chức truyền thông, tư vấn, khám sức khỏe tại địa phương; bảo đảm người dân nắm bắt đầy đủ thông tin và tham gia thực hiện.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 đạt được các chỉ tiêu như sau:

- Đạt 100% nhóm người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người mắc bệnh mạn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu được khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần.

- Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông được khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1

lần (thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP).

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Triển khai trên phạm vi toàn xã.

2. Đối tượng: Tất cả người dân sống trên địa bàn xã, gồm các nhóm đối tượng sau:

- Nhóm 1: Người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người mắc bệnh mạn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn¹, đặc khu.

- Nhóm 2: Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông.

- Nhóm 3: Người lao động.

- Nhóm 4: Các đối tượng thuộc Ban Chỉ huy Quân sự xã và Công an xã quản lý.

- Nhóm 5: Các đối tượng không thuộc các nhóm trên (trong quá trình thực hiện, trên cơ sở điều kiện thực tiễn, quy định của Trung ương và khả năng cân đối ngân sách tỉnh, UBND xã sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các đối tượng khác theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ).

3. Thời gian thực hiện: Từ Năm 2026 đến năm 2030.

4. Lộ trình ưu tiên khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí

4.1. Nhóm đối tượng ưu tiên tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần

STT	Nhóm	Đối tượng	Lộ trình thực hiện (năm)	Kết quả
1	Nhóm 1	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên	Từ năm 2026	100%
2		Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo	Từ năm 2026	100%
3		Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)	Từ năm 2026	100%
4		Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi	Từ năm 2027	100%
5		Người thuộc hộ cận nghèo	Từ năm 2027	100%
6		Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi	Từ năm 2028	100%
7		Người có công, người mắc bệnh mạn tính	Từ năm 2028	100%
8		Người dân sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh	Từ năm 2029-2030	100%

¹ Theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

		tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ các đối tượng trên)		
--	--	---	--	--

4.2. Nhóm đối tượng thuộc Cơ sở giáo dục tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học

STT	Nhóm	Đối tượng	Lộ trình thực hiện (năm)	Kết quả
1	Nhóm 2	Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông	Từ đầu năm học 2026 - 2027	Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP

4.3. Nhóm đối tượng được người sử dụng lao động tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

STT	Nhóm	Đối tượng	Lộ trình thực hiện (năm)	Kết quả
1	Nhóm 3	Người lao động	Từ năm 2026	Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP

4.4. Nhóm đối tượng thuộc Ban Chỉ huy Quân sự xã và Công an xã tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định của pháp luật

STT	Nhóm	Đối tượng	Lộ trình thực hiện (năm)	Kết quả
1	Nhóm 4	Các đối tượng thuộc Ban Chỉ huy Quân sự xã và Công an xã	Từ năm 2026	Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP

4.5. Nhóm đối tượng cần có lộ trình thực hiện

STT	Nhóm	Đối tượng	Lộ trình thực hiện (năm)	Kết quả
1	Nhóm 5	Các đối tượng không thuộc các nhóm trên	Xã sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các đối tượng khác theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ để địa phương thực hiện.	

5. Việc tổ chức hoạt động khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho các đối tượng trên được thực hiện phối

hợp giữa hoạt động khám bệnh nghề nghiệp hoặc khám sức khỏe hoặc khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc hoặc kiểm tra sức khỏe đầu năm học hoặc khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật để khám bệnh miễn phí và hoàn thành việc tạo lập sổ sức khỏe điện tử cho toàn bộ người dân.

6. Căn cứ vào điều kiện kinh tế-xã hội trong từng thời kỳ, khả năng cân đối ngân sách địa phương và nguồn huy động hợp pháp, UBND xã xem xét mở rộng đối tượng và phạm vi nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí trên địa bàn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

1. Tổ chức rà soát, truyền thông tư vấn

- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ: các phòng, ban, Trạm Y tế xã, Công An xã, các tổ chức chính trị xã hội thực hiện tổ chức rà soát, lập danh sách đối tượng cần phải khám thuộc diện quản lý, đang cư trú trên địa bàn để xây dựng kế hoạch tổ chức truyền thông, tư vấn, khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí.

- Đẩy mạnh truyền thông về lợi ích của khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc miễn phí, vận động các đối tượng đến các điểm khám trên địa bàn; thông báo công khai rộng rãi lịch khám, các địa điểm tổ chức khám để người dân biết hướng ứng tích cực tham gia đảm bảo tiến độ.

2. Tổ chức khám

2.1. Nội dung khám

- Nội dung khám: Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn khám sức khỏe định kỳ của Bộ Y tế².

- Biểu mẫu khám: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2.2. Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và địa điểm khám

2.2.1. Nhóm 1

- Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện:

+ Thực hiện chuyên môn: Trạm Y tế xã là đầu mối chịu trách nhiệm toàn diện về kỹ thuật, nhân lực, lập danh mục thiết bị (theo Thông tư 22/2026/TT-BYT) và trực tiếp thăm khám, lập hồ sơ sức khỏe điện tử.

+ Phối hợp quản lý đối tượng: Trạm y tế xã phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội (cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội), phối hợp với Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ, Ban quản lý các thôn chịu trách nhiệm rà soát chính xác danh sách, phát giấy mời và hỗ trợ điều phối đưa đón các đối tượng đặc biệt khó khăn (người già yếu, người khuyết tật nặng).

+ Đơn vị hỗ trợ tuyến trên (khi cần thiết): Trung tâm Y tế Đắk Hà chịu trách nhiệm hỗ trợ về mặt nhân lực chuyên khoa sâu và trang thiết bị xét nghiệm lưu động tiên tiến nếu Trạm Y tế xã bị hạn chế về năng lực kỹ thuật.

- Địa điểm khám:

+ Đối với trẻ em dưới 6 tuổi: Thực hiện khám tại Trạm Y tế cấp xã, nội dung khám theo Quyết định số 1675/QĐ-BYT ngày 10/6/2026 của Bộ trưởng

² Công văn số 3401/BYT-KCB ngày 12/5/2026 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho người dân.

Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và hướng dẫn có liên quan.

+ Các đối tượng còn lại thực hiện khám tại Cơ sở khám bệnh chữa bệnh (*Trung tâm Y tế, Bệnh viện*) đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe. Ưu tiên tổ chức tại Trạm Y tế xã là điểm khám lưu động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Nội dung khám theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 3401/BYT-KCB ngày 12/5/2026 về hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho người dân và các quy định có liên quan.

+ Hoặc tại địa điểm khám lưu động được bố trí hợp lý, đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định.

- Phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh sắp xếp lịch khám đảm bảo phù hợp, tránh quá tải và thuận tiện cho người dân. Tổ chức khám theo nội dung chuyên môn nêu trên phù hợp đối với từng nhóm đối tượng để đánh giá tình trạng sức khỏe hoặc phân loại sức khỏe; phát hiện sớm nguy cơ mắc bệnh và người mắc bệnh theo nhóm đối tượng; tư vấn phòng bệnh, điều trị hoặc chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp theo quy định.

2.2.2. Nhóm 2

- Các đơn vị trường học trên địa bàn xã tiếp tục tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho học sinh theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học.

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện: Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS phối hợp với các Cơ sở khám chữa bệnh tổ chức khám sức khỏe cho học sinh.

- Địa điểm khám:

+ Tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe.

+ Hoặc tại địa điểm khám lưu động được bố trí hợp lý, thuận tiện, đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định.

2.2.3. Nhóm 3

- Người sử dụng lao động tiếp tục tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho đối tượng người lao động thuộc thẩm quyền quản lý quy định tại điểm c khoản 2 Điều 69 Nghị định 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

- Phối hợp với các cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định để thực hiện khám.

- Địa điểm khám:

+ Tại cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe.

+ Hoặc tại địa điểm khám lưu động, nơi người lao động làm việc được bố trí hợp lý, thuận tiện cho người lao động, bảo đảm an toàn, đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định.

2.2.4. Nhóm 4

Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.

2.2.5. Nhóm 5

Trong quá trình thực hiện, trên cơ sở điều kiện thực tiễn, quy định của Trung ương, hướng dẫn của tỉnh và khả năng cân đối ngân sách xã, UBND xã sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các đối tượng khác theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.

2.3. Nhập kết quả, thống kê báo cáo, lưu trữ hồ sơ khám sức khỏe

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chịu trách nhiệm khám theo quy định và nhập kết quả khám ngay sau khi kết thúc khám vào hệ thống dữ liệu khám sức khỏe/hồ sơ sức khỏe điện tử tại đơn vị; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, Trạm Y tế xã trên địa bàn để được hướng dẫn về việc cập nhật số liệu.

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải đảm bảo hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin, cấu hình phần mềm hệ thống cập nhật biểu mẫu khám theo đúng quy định và phục vụ nhu cầu kết nối liên thông dữ liệu khi có hướng dẫn của Bộ Y tế và phân công nhân sự cập nhật dữ liệu hệ thống. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, đồng bộ về dữ liệu khám sức khỏe.

- Trạm y tế tham mưu Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo định kỳ hàng quý hoặc đột xuất về UBND xã (*qua Phòng Văn hóa – Xã hội*) để tổng hợp báo cáo trên theo quy định và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần cho người dân trên địa bàn xã giai đoạn 2026-2030 theo Kế hoạch này được bảo đảm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Phòng bệnh, trong đó:

1. Ngân sách nhà nước thanh toán chi phí khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Kinh phí chi trả cho hoạt động kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho đối tượng thuộc Cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học.

3. Người sử dụng lao động chi trả chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định pháp luật về lao động, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

4. Quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho một số đối tượng trong các đối tượng quy định tại các điểm a và điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định 165/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và lộ trình ưu tiên theo lộ trình tăng mức đóng bảo hiểm y tế phù hợp với khả năng cân đối của Quỹ bảo hiểm y tế, ngân sách nhà nước chi trả cho các đối tượng và phần chi phí Quỹ bảo hiểm y tế chưa chi trả.

(Bảng dự toán kinh phí tại phụ lục 1,2,3 kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Chủ trì tham mưu UBND xã xây dựng triển khai Kế hoạch tổng thể giai đoạn 2026-2030 và các văn bản chỉ đạo về công tác khám sức khỏe toàn dân, khám sàng lọc miễn phí.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ chuẩn bị của Trạm Y tế (*về nhân lực, thiết bị theo Thông tư 22, 23/2026/TT-BYT*) và báo cáo kịp thời cho Lãnh đạo UBND xã để tháo gỡ các vướng mắc phát sinh.

- Phân công Công chức phụ trách lĩnh vực Chính sách/Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Trạm Y tế rà soát, cung cấp danh sách đầy đủ các nhóm đối tượng được ưu tiên tối đa: người có công với cách mạng, cựu chiến binh, người cao tuổi, người khuyết tật, hộ nghèo và cận nghèo.

- Tổng hợp số liệu, đánh giá tỷ lệ người dân tham gia khám, hiệu quả của chương trình sau mỗi đợt khám lên cấp trên theo đúng quy định.

2. Phòng Kinh tế

- Phối hợp với Trạm Y tế để tính toán, thẩm định dự toán kinh phí mua sắm vật tư tiêu hao, hóa chất, các bộ test nhanh (*như test ma túy, HIV*) phục vụ cho đợt khám sức khỏe quy mô toàn dân.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã lập kế hoạch phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên từ ngân sách hoặc nguồn vốn mục tiêu y tế dân số được cấp trên cấp xuống để đảm bảo kinh phí khám là hoàn toàn miễn phí cho người dân.

- Hướng dẫn Trạm Y tế thực hiện quy trình chi tiêu, lập hồ sơ và nghiệm thu quyết toán nguồn kinh phí khám theo đúng Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Trạm Y tế

- Là cơ quan Thường trực, chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, điều phối thực hiện lộ trình, triển khai kế hoạch khám sức khỏe theo Kế hoạch này.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội (*Công chức phụ trách lĩnh vực Chính sách/Lao động - Xã hội*), Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ, Ban quản lý các thôn chịu trách nhiệm rà soát chính xác danh sách, phát giấy mời, phân nhóm đối tượng ưu tiên và sắp xếp lịch khám đảm bảo phù hợp, tránh quá tải và thuận tiện cho người dân.

- Tuyên truyền sâu rộng chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân, gắn với Chương trình số 08-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các quy định có liên quan; phấn đấu đạt mục tiêu từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần theo Kế hoạch.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên trang thông tin xã, mạng xã hội và các hình thức truyền thông phù hợp tuyên truyền về ý nghĩa, lợi ích của việc khám sức khỏe trong phát hiện sớm bệnh tật, giảm chi phí điều trị, nâng cao chất lượng cuộc sống; chuyển mạnh nhận thức từ “khám bệnh, chữa bệnh” sang chủ động “phòng bệnh”.

- Tăng cường cung cấp thông tin về việc triển khai Sổ sức khỏe điện tử, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe; hướng dẫn người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số để theo dõi sức khỏe cá nhân.

- Kịp thời cung cấp số liệu, kết quả thực hiện, các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong tổ chức khám sức khỏe để phục vụ công tác tuyên truyền.

- Tổ chức khám đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế để đánh giá tình trạng sức khỏe hoặc phân loại sức khỏe; phát hiện sớm

nguy cơ mắc bệnh và người mắc bệnh theo nhóm đối tượng; tư vấn phòng bệnh, điều trị hoặc chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp theo quy định.

- Tuân thủ các quy định về khám sức khỏe của Luật khám bệnh, chữa bệnh; Luật Phòng bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành của Luật khám bệnh, chữa bệnh và Luật Phòng bệnh.

- Thực hiện khám đúng quy định chuyên môn; bảo đảm điều kiện về nhân lực, thiết bị y tế, tổ chức tư vấn, chuyển tuyến khi cần thiết.

- Đảm bảo hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin, cấu hình phần mềm hệ thống cập nhật biểu mẫu khám theo đúng quy định; phân công nhân sự cập nhật dữ liệu hệ thống và đảm bảo triển khai kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu, tích hợp trên ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, đồng bộ dữ liệu khám sức khỏe; theo dõi, quản lý sức khỏe người dân.

- Huy động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập có đủ điều kiện tham gia khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho người dân theo kế hoạch của địa phương theo quy định.

- Hàng năm có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện gửi về Sở Y tế tổng hợp.

- Tổng hợp số liệu sau mỗi đợt khám báo cáo cấp trên theo đúng quy định.

4. Các đơn vị trường học

- Tiếp tục tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho học sinh theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học.

- Chịu trách nhiệm thực hiện phối hợp với các Cơ sở khám chữa bệnh tổ chức khám sức khỏe cho học sinh.

5. Công an xã

- Phối hợp, hỗ trợ ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử vào công tác chuyển đổi số của ngành Y tế nhằm phục vụ có hiệu quả việc thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp rà soát, hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 2; tích hợp thông tin thẻ Bảo hiểm y tế vào sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID.

- Phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn và giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự tại các cơ sở khám, chữa bệnh (nếu có) khi tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.

6. Ban Chỉ huy Quân sự xã

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.

7. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng lao động

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- Lựa chọn cơ sở đủ điều kiện để thực hiện khám; phối hợp cập nhật dữ liệu vào hồ sơ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID.

- Tuyên truyền, vận động người lao động tham gia khám đầy đủ.

- Bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khám sức khỏe cho người lao động theo đúng quy định.

8. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích xã

Tăng cường tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh xã, trang thông tin của xã, mạng xã hội, và các hình thức truyền thông phù hợp nhằm phổ biến về mục đích, ý nghĩa, quyền lợi của người dân khi tham gia khám sức khỏe định kỳ miễn phí ít nhất 1 lần/năm.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội xã:

- Theo chức năng, nhiệm vụ chủ động, tích cực phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia.

- Giám sát và phản biện xã hội: Giám sát quy trình tổ chức tại các điểm khám (*đảm bảo tính công bằng, không hạch sách, không thu phí sai quy định*); giám sát việc chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị và thái độ phục vụ của y bác sĩ; tiếp nhận ý kiến, phản ánh của người dân để kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân xã điều chỉnh.

- Chỉ đạo các Trưởng ban công tác Mặt trận tại các thôn "đi từng ngõ, gõ từng nhà" để rà soát, lập danh sách người dân trong diện khám (*đặc biệt là người có công, người nghèo, người khuyết tật*).

- **Hội Liên hiệp Phụ nữ xã:** phụ trách nhóm phụ nữ, trẻ em dưới 6 tuổi và hộ gia đình; vận động các bà mẹ đưa trẻ em trong độ tuổi đi khám; tuyên truyền chuyên sâu về các danh mục khám sản phụ khoa, tầm soát ung thư cổ tử cung hoặc ung thư vú cho hội viên nữ; Hỗ trợ chăm sóc, đưa đón các bà bầu, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn đến điểm khám.

- **Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã:** Phụ trách nhóm thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên tự do và lực lượng xung kích; thành lập Đội thanh niên tình nguyện để hướng dẫn người dân phân luồng, ghi chép thông tin tại điểm khám sức khỏe; hướng dẫn người dân (*đặc biệt là người già*) cài đặt, kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID và cài đặt ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử để xem kết quả khám. Hỗ trợ đưa đón những trường hợp khó khăn, neo đơn đến điểm khám sức khỏe.

- **Hội Nông dân xã:** phụ trách nhóm Lao động tự do, hội viên nông dân tại địa phương; vận động các hội viên (*thường bận rộn với đồng áng, sản xuất*) sắp xếp thời gian đi khám theo đúng khung giờ được phân bổ của từng thôn/xóm; phối hợp tổ chức các buổi truyền thông lồng ghép tại các chi hội nông dân về lợi ích của việc phát hiện sớm bệnh tật nhằm giảm chi phí điều trị sau này.

- **Hội Cựu chiến binh xã:** phụ trách nhóm người có công, cựu chiến binh, người cao tuổi; phát huy vai trò gương mẫu, đi đầu tham gia khám sức khỏe trước để làm gương cho nhân dân; phối hợp với Ban công tác Mặt trận rà soát, hỗ trợ đưa đón các đồng chí thương bệnh binh, cựu chiến binh già yếu, đi lại khó khăn đến nơi trung tâm khám an toàn.

10. Ban quản lý các thôn

- Phối hợp với Trạm Y tế xã, Công an xã lập danh sách toàn bộ người dân đang cư trú thực tế trên địa bàn thôn.

- Thông báo công khai rộng rãi lịch khám, các địa điểm tổ chức khám để người dân biết hưởng ứng tích cực tham gia đảm bảo tiến độ.

- Sử dụng hệ thống loa truyền thanh của thôn, các cuộc họp chi bộ, họp thôn hoặc các nhóm thông tin cộng đồng (*Zalo, Facebook của thôn*) để phổ biến lịch khám, địa điểm và quyền lợi khám miễn phí của người dân.

- Tiếp nhận giấy mời từ Trạm Y tế xã để phân công các tổ trưởng liên quan gửi đến tận tay từng hộ gia đình. Trên giấy mời cần ghi rõ khung giờ khuyến nghị đi khám của từng cụm dân cư để tránh tình trạng người dân đến quá đông cùng một lúc gây ùn.

- Nhắc nhở người dân các lưu ý y tế cần thiết trước khi đi khám (*ví dụ: nhịn ăn sáng nếu có xét nghiệm máu, mang theo CCCD hoặc thẻ BHYT để quét mã số hóa hồ sơ*).

11. Phân công nhiệm vụ (cụ thể tại phụ lục 4 kèm theo).

Trên đây là Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn xã giai đoạn 2026-2030 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Réo. Đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh(b/c)
- Sở Y tế tỉnh (b/c);
- TT Đảng Ủy (b/c);
- TT HĐND (b/c);
- CT, các PCT UBND xã (b/c);
- UBNDTTQ xã và các tổ chức chính trị xã hội(p/h)
- Các cơ quan, đơn vị³ (t/h);
- Đội sản xuất Ngọc Wang thuộc Công ty TNHH một thành viên cao su Kon Tum (t/h);
- Ban quản lý các thôn (t/h);
- Lưu VT, VHXXH_(LTBT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Quốc Mạnh

³ Văn phòng HĐND và UBND xã; Phòng Văn hoá xã; Phòng Kinh tế xã; Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích xã; Trạm Y tế xã; Công an xã; Ban Chỉ huy Quân sự xã; Các đơn vị trường học; Trung tâm Y tế Đắk Hà.

Phụ lục 1. Lộ trình thực hiện và nguồn kinh phí khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho đối tượng thuộc nhóm 1 trên địa bàn xã Ngọc Réo giai đoạn 2026-2030

(Đơn vị tính triệu đồng)

STT	Nhóm	Đối tượng	Số lượng	Kết quả	Thành tiền
1	Nhóm 1	Năm 2026			
		Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên	138	100%	36,2
		Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo	178	100%	46,7
		Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)	313	100%	11,2
					94,1
2	Nhóm 1	Năm 2027			
		Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên	150	100%	39,4
		Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo	625	100%	164,3
		Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)	520	100%	18,9
		Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi	192	100%	50,4
		Người thuộc hộ cận nghèo	306	100%	80,4
					353,4
3	Nhóm 1	Năm 2028			
		Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên	190	100%	49,9
		Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo	536	100%	140,9
		Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)	713	100%	26
		Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi	272	100%	71,5
		Người thuộc hộ cận nghèo	285	100%	74,9
		Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi	120	100%	31,5
		Người có công, người mắc bệnh mạn tính	823	100%	216,3
					611
		Năm 2029			
4	Nhóm 1	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên	250	100%	65,7
		Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo	388	100%	102
		Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)	889	100%	32,4
		Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi	322	100%	84,6
		Người thuộc hộ cận nghèo	263	100%	69,1
		Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi	175	100%	46

		Người có công, người mắc bệnh mạn tính	981	100%	257,9
		Người dân sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ những đối tượng trên)	6693	100%	1.759,5
					2.417,2
5		Năm 2030			
	Nhóm 1	Người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người mắc bệnh mạn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã đảo, đặc khu	9026	100%	2.372,9

Ghi chú:

1. Số lượng các nhóm, đối tượng thường xuyên thay đổi tùy theo từng thời điểm chốt số liệu.

2. Chi phí cho một lần khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân áp dụng theo Phụ lục 2.

**Phụ lục 2. Gói khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí
cho người dân**

1. Gói khám sức khỏe cho nhóm trẻ em dưới 6 tuổi *(Không thực hiện cận lâm sàng) (theo Quyết định số 1284/QĐ-BYT ngày 07/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi)*

STT	NỘI DUNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (đồng)	GHI CHÚ
1	Khám lâm sàng	Lần	36.500	
	Tổng cộng		36.500	

2. Gói khám sức khỏe cho các nhóm đối tượng còn lại *(thực hiện theo Công văn số 3401/BYT-KCB ngày 12/5/2026 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho người dân)*

STT	NỘI DUNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (đồng)	GHI CHÚ
1	Khám lâm sàng	Lần	101.200	
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (Bảng máy đếm laser)	Lần	49.700	
3	Đo độ hoạt AST (GOT) [Máu]	Lần	22.400	
4	Đo độ hoạt ALT (GPT) [Máu]	Lần	22.400	
5	Định lượng Creatinin [Máu]	Lần	22.400	
6	Định lượng Ure máu [Máu]	Lần	22.400	
7	Định lượng Glucose [Máu]	Lần	22.400	
	Tổng cộng		262.900	

**Phụ lục 3. Lộ trình thực hiện và nguồn kinh phí khám sức khỏe định kỳ,
khám sàng lọc miễn phí cho đối tượng thuộc nhóm 2,3,4 trên địa bàn
Xã Ngọc Réo giai đoạn 2026-2030**

STT	Nhóm	Đối tượng	Số lượng	Kết quả	Nguồn kinh phí thực hiện
1	Từ năm 2026				
	Nhóm 2	Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông	- Mầm non: 1011 trẻ. - Tiểu học: 1397 học sinh - THCS: 916 học sinh	100%	Các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán kinh phí chi trả cho hoạt động kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 69 Nghị định 165/2026/NĐ-CP và theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học
	Nhóm 3	Người lao động (Đội sản xuất Ngọc Wang thuộc Công ty TNHH 1 thành viên cao su Kon Tum)	180	100%	Người sử dụng lao động chi trả chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động quy định tại điểm c khoản 2 Điều 69 Nghị định 165/2026/NĐ-CP và theo quy định pháp luật về lao động, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động
	Nhóm 4	Các đối tượng thuộc Ban Chỉ huy Quân sự xã và Công an xã	- Ban Chỉ huy Quân sự xã: 401 người - Công an xã: 38 người	100%	Các đơn vị tự lập dự toán theo Ngân sách nhà nước chi trả cho đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 69 Nghị định 165/2026/NĐ-CP và theo phân cấp ngân sách hiện hành

Phụ lục 4. Phân công nhiệm vụ

STT	Đơn vị	Thời gian	Nhiệm vụ	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
1.	Trạm Y tế	Thường xuyên	Chủ trì triển khai kế hoạch; hướng dẫn chuyên môn; ban hành biểu mẫu báo cáo	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã	Văn bản hướng dẫn, biểu mẫu
		Trước 25/9 hàng năm	Tổng hợp số liệu nhóm: Người cao tuổi, người khuyết tật	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu đối tượng phụ trách
		Trước 10/11	Báo cáo UBND xã kết quả thực hiện và dự trù kinh phí năm sau		Báo cáo + dự toán
2.	Các đơn vị trường học	Trước 25/9 hàng năm	Tổng hợp số liệu khám sức khỏe của đối tượng thuộc nhóm 2		Báo cáo số liệu đối tượng phụ trách
3.	Công an xã	Trước 30/10 hàng năm	- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026. - Tổng hợp số liệu người dân đã được khám sức khỏe và đã được tích hợp trên ứng dụng VnelD gửi UBND xã	Đơn vị trực thuộc	Tổ chức thực hiện nhiệm vụ của ngành
4.	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trước 30/9 hàng năm	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026	Đơn vị trực thuộc	Tổ chức thực hiện nhiệm vụ của ngành
5.	Phòng Văn Hoá – Xã hội	Trước 30/9 hàng năm	Tổng hợp số liệu nhóm 1	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu trên địa bàn
	Phòng Kinh	Tháng 11–	Thẩm định nhu cầu	Trạm Y tế	Dự toán

STT	Đơn vị	Thời gian	Nhiệm vụ	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
6.	tế	12 hàng năm	kinh phí; tham mưu UBND xã theo quy định		ngân sách

Các đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo; số liệu bao gồm tối thiểu: tổng số đối tượng quản lý, số người đã được khám sức khỏe, tỷ lệ, nhu cầu khám năm tiếp theo.